TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 15 - 11 - 2023.
V/v: " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Trung Kiên.

Bà Hoàng Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại Phòng xét xử, Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Ngọc L, sinh năm 2002.

Nơi đăng ký HKTT: Đội Z, thôn Y, xã X, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Hiện trú tại: Thôn Thần Quy, xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Bùi Khánh T, sinh năm 1994. Trú tại: Đội Z, thôn Y, xã X, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc L trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Khánh T ngày 29 tháng 10 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng

12 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Khánh Chi sinh ngày 02 tháng 11 năm 2019, Bùi Khánh V sinh ngày 25 tháng 9 năm 2021. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị L. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Tcấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã X:

Chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Bùi Khánh T kết hôn ngày 29 tháng 10 năm 2021 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Anh chị có đăng ký khai sinh cho 02 con chung là Bùi Khánh Chi sinh ngày 02 tháng 11 năm 2019, Bùi Khánh V sinh ngày 25 tháng 9 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã X huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

Anh Bùi Khánh T là con ông Bùi Văn T1 (đã chết) con bà Nguyễn Thị T2 trú tại đội Z thôn Y, xã X, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà bà T2 vào dịp lễ Tết. Hiện nay bà T2 đang đi làm tại Hà Nội, không rõ địa chỉ.

Theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Công an xã X cung cấp: Anh Bùi Khánh T, sinh năm 1994 số định danh cá nhân 036094005409 là con bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1962. Nơi thường trú, nơi ở hiện tại thôn Y, xã X, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Các thành viên khác trong hộ gia đình bà Thu gồm có: Trịnh Thị Ngọc L sinh năm 2002, số định danh cá nhân 00130201845 là con râu bà Thu. Bùi Khánh C sinh năm 2019 là cháu nội. Bùi Khánh V sinh năm 2021 là cháu nội.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá T giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất T chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị L anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị Ngọc L.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Đỗ Bùi Khánh C sinh ngày 02 tháng 11 năm 2019, Bùi Khánh V sinh ngày 25 tháng 9 năm 2021 của chị L. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Tcấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị L phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Tvắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tchị L là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Bùi Khánh T kết hôn ngày 29 tháng 10 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá TTòa án giải quyết anh Tkhông có mặt.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L anh Tđã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Bùi Khánh C sinh ngày 02 tháng 11 năm 2019, Bùi Khánh V sinh ngày 25 tháng 9 năm 2021. Hiện nay hai con đang ở với chị L. Khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Tcấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Cháu Bùi Khánh Chi và Bùi Khánh V hiện nay đang ở với chị L. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, ổn định học tập đối với con chung, xét thấy cần giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của chị L về việc không yêu cầu anh Tcấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị L không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Trịnh Thị Ngọc L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Bùi Khánh T.

2. Về con chung: Giao chị Trịnh Thị Ngọc L có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung Đỗ Bùi Khánh C sinh ngày 02 tháng 11 năm 2019, Bùi Khánh V sinh ngày 25 tháng 9 năm 2021. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Tcấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Bùi Khánh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002334 ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị L phải nộp. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Bùi Khánh T, chị Trịnh Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã X;
- UBND xã M, huyện P, thành phố Hà Nội.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký và đóng dấu)*

Bùi Văn Dũng